

SỞ Y TẾ NGHỆ AN
TRUNG TÂM Y TẾ ANH SƠN

Số : 1114 /TB-TTYT

V/v thông báo mời chào giá một số mặt
hàng thuốc – vị thuốc YHCT phục vụ
công tác mua sắm.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Anh sơn, ngày 05 tháng 10 năm 2023

Kính gửi : Các nhà cung cấp

Trung tâm Y tế huyện Anh Sơn đang trong quá trình thực hiện các bước đầu
thầu mua sắm thuốc – Vị thuốc YHCT phục vụ công tác khám và điều trị tại đơn vị
trong năm 2024.

Trong đó có một số mặt hàng thuốc – vị thuốc YHCT đơn vị đang có nhu cầu
tham khảo giá báo giá của các nhà cung cấp.

(Danh mục chi tiết trong Phụ lục 1- Thuốc; Phụ lục 2 – Vị thuốc YHCT

đính kèm thông báo này)


Để có căn cứ xây dựng và phê duyệt giá kế hoạch mua sắm hàng hóa, Trung
tâm Y tế huyện Anh Sơn kính đề nghị các nhà cung cấp quan tâm và có khả năng
cung ứng mặt hàng nêu trên gửi báo giá sản phẩm cho Trung tâm để chúng tôi tổng
hợp và xây dựng giá theo đúng quy định.

*(Thông tin báo giá theo phụ lục 3 – đối với thuốc, phụ lục 4- đối với vị thuốc
YHCT đính kèm thông báo này)*

Địa điểm nhận báo giá trực tiếp tại : Khoa dược, Trung tâm Y tế huyện Anh
Sơn. Địa chỉ: Tổ dân phố 4, thị trấn Anh Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An

Số điện thoại : 0986.382.698 (Ds Huệ).

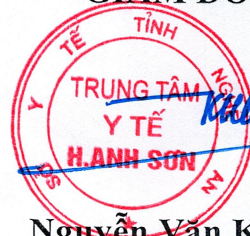
Thời hạn báo giá đến hết ngày 16/10/2023.

Trân trọng thông báo./. 

Nơi nhận :

- Như kính gửi;
- Lưu VT, KD.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Khanh



PHỤ LỤC 1. DANH MỤC THUỐC ĐỀ NGHỊ CUNG CẤP BẢO GIÁ
(Ban hành kèm theo thông báo số 1114/TB-TTYT ngày 05 tháng 10 năm 2023)

STT	Mã HH	STT trong Thông tư 20/2022/TT-BYT	Tên hoạt chất	Nhóm thuốc	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng hiệu chỉnh	Dạng bào chế	Đơn vị tính
1	D109	533	Lisinopril + hydrochlorothiazid	3	10mg + 12,5mg	Uống	Viên	Viên
2	C030	493	Adenosin triphosphat	4	Adenosin triphosphat dạng muối 20mg	Uống	Viên	Viên
3	C1082	533	Lisinopril + hydrochlorothiazid	4	10mg + 12,5mg	Uống	Viên	Viên
4	C1285	550	Valsartan + hydrochlorothiazid	4	120mg + 12,5mg	Uống	Viên	Viên
5	C1288	185	Cefoperazon	4	1g	Tiêm	Thuốc tiêm	Lọ

Ths



PHỤ LỤC 2. DANH MỤC VỊ THUỐC Y HỌC CỔ TRUYỀN ĐỀ NGHỊ CUNG CẤP BẢO GIÁ

(Ban hành kèm theo thông báo số 1114/TB-TTYT ngày 05 tháng 10 năm 2023)

TT	Mã HH	STT trong TT 05/2015/TT-BYT	Tên khoa học	Bộ phận dùng	Nhóm TCKT	Tên vị thuốc cổ truyền	Dạng sơ chế, chế biến	Tiêu chuẩn chất lượng	ĐVT
1	M001	1	Radix Angelicae dahuricae	Rễ	Nhóm 1	Bạch chỉ	Thái phiến; Vị thuốc Bạch chỉ có vỏ ngoài màu vàng, nâu nhạt, trong ruột trắng ngà, có các vạch dọc theo rễ củ, mùi thơm đặc trưng, vị cay hơi đắng, dễ gãy vụn, chứa nhiều tinh bột.	TCCS	Kg
2	M002	6	Ramulus Cinnamomi	Cành	Nhóm 1	Quế chi	Thuốc phiến khô, đoạn ngắn, sạch.	TCCS	Kg
3	M003	17	Flos Chrysanthemi indici	Cụm hoa	Nhóm 1	Cúc hoa vàng	Hoa khô, màu vàng, mùi thơm.	TCCS	Kg
4	M004	182	Embryo Nelumbinis nuciferae	Cây mầm từ hạt cây sen	Nhóm 1	Liên tâm	Sao qua; Vị thuốc Tâm sen dài khoảng 1 cm, phần trên là chồi mầm màu lục sẫm có đốm vàng hoặc hơi xém, phần dưới là rễ và thân mầm hình trụ màu vàng nhạt, mùi thơm đặc trưng.	TCCS	Kg

TT	Mã HH	STT trong TT 05/2015/TT-BYT	Tên khoa học	Bộ phận dùng	Nhóm TCKT	Tên vị thuốc cổ truyền	Dạng sơ chế, chế biến	Tiêu chuẩn chất lượng	ĐVT
5	M005	226	Rhizoma Ligustici wallichii	Thân rễ	Nhóm 1	Xuyên khung	Xuyên khung chích rượu: Phiến thuốc có màu nâu hoặc nâu vàng, thể chất cứng chắc, có mùi thơm đặc trưng, vị cay.	TCCS	Kg
6	M007	282	Semen Nelumbinis	Hạt	Nhóm 1	Liên nhục	Liên nhục sao vàng: Hạt hình trái xoan, dài 1,1 - 1,3 cm, đường kính 0,9 - 1,1 cm. Mặt ngoài còn màng mỏng màu nâu thẫm, có chấm đen, mùi thơm, vị hơi chát. Không còn tâm sen.	TCCS	Kg
7	M008	312	Radix Morindae officinalis	Rễ	Nhóm 1	Ba kích	Chích rượu; Vị thuốc Ba kích là những mảnh nhỏ, có dạng quần queo, vỏ ngoài vàng nhạt hay hơi xám. Thể chất dai, mặt cắt ngang có màu tím nhạt, mùi thơm, vị hơi chát.	TCCS	Kg
8	M009	333	Tuber Dioscoreae persimilis	Rễ củ	Nhóm 1	Hoài sơn	Sao vàng; phiến thuốc bên ngoài có màu vàng hay vàng nâu có chấm đen, bẻ ra bên trong có màu trắng, mùi thơm.	TCCS	Kg

TT	Mã HH	STT trong TT 05/2015/TT-BYT	Tên khoa học	Bộ phận dùng	Nhóm TCKT	Tên vị thuốc cổ truyền	Dạng sơ chế, chế biến	Tiêu chuẩn chất lượng	ĐVT
9	N001	1	Radix Angelicae dahuricae	Bạch chỉ (rễ)	Nhóm 2	Bạch chỉ	Thuốc phiến khô (phiến dày 1 - 2cm). Có vỏ ngoài màu vàng, nâu nhạt, trong ruột trắng ngà, có các vạch dọc theo rễ củ, mùi thơm đặc trưng, vị cay hơi đắng, dễ gãy vụn, chứa nhiều tinh bột.	TCCS	kg
10	N003	47	Radix Saposhnikovia divaricatae	Rễ	Nhóm 2	Phòng phong	Phiến dày 1 - 2mm, màu nâu xám, chắc, lõi màu vàng nhạt, mùi thơm, vị đặc trưng, hơi ngọt.	TCCS	Kg
11	N004	6	Ramulus Cinnamomi	Cành	Nhóm 2	Quế chi	Thuốc phiến khô, đoạn ngắn, sạch.	TCCS	Kg
12	N006	9	Radix Asari	Rễ và thân rễ	Nhóm 2	Tế tân	Thuốc phiến, khô, sạch (đoạn dài khoảng 2cm).	TCCS	Kg
13	N009	15	Radix Puerariae thomsonii	Rễ củ	Nhóm 2	Cát căn	Phiến dài khoảng 3 - 5 cm, dày 3 - 4 mm; mặt ngoài có màu trắng hơi vàng, bên trong phiến có màu trắng.	TCCS	Kg
14	N010	17	Flos Chrysanthemi indici	Cụm hoa	Nhóm 2	Cúc hoa vàng	Hoa khô, màu vàng, mùi thơm.	TCCS	Kg

TT	Mã HH	STT trong TT 05/2015/TT-BYT	Tên khoa học	Bộ phận dùng	Nhóm TCKT	Tên vị thuốc cổ truyền	Dạng sơ chế, chế biến	Tiêu chuẩn chất lượng	ĐVT
15	N013	27	Radix Bupleuri	Rễ	Nhóm 2	Sài hồ bắc	Là những phiến hoặc đoạn dài khoảng 2 cm, vỏ màu nâu đen hoặc nâu sáng, phần gỗ màu trắng ngà, mùi thơm nhẹ, vị hơi đắng.	TCCS	Kg
16	N017	37	Radix Angelicae pubescentis	Rễ	Nhóm 2	Độc hoạt	Thái phiến; dày 1 - 2mm, khô nhuần, màu nâu xám, vị cay, rất đắng.	TCCS	Kg
17	N019	41	Rhizoma et Radix Notopterygii	Thân rễ và rễ	Nhóm 2	Khương hoạt	Thái phiến; dày khoảng 5 mm màu nâu vàng, khô, dễ gãy, mùi thơm hắc, vị đắng và cay.	TCCS	Kg
18	N024	53	Radix Gentianae macrophyllae	Rễ	Nhóm 2	Tần giao	Thuốc phiến khô (thái lát hoặc cắt khúc ngắn, phơi khô).	TCCS	Kg
19	N033	67	Radix Aconiti lateralis praeparata	Rễ củ	Nhóm 2	Phụ tử (ché)	Chế theo quy trình Bộ Y tế; Hắc phụ tử có mặt phiến nhẵn bóng, màu nâu xám. Xung quanh phiến có màu nâu đen của vỏ củ. Vị mặn đặc trưng của muối Magne clorid, vị tê nhẹ hoặc không tê. Bạch phụ tử có mặt phiến màu trắng hoặc trắng ngà. Xung quanh phiến có màu nâu đen của vỏ củ. Vị mặn đặc trưng của muối NaCl, vị tê nhẹ hoặc không tê.	TCCS	Kg

TT	Mã HH	STT trong TT 05/2015/TT-BYT	Tên khoa học	Bộ phận dùng	Nhóm TCKT	Tên vị thuốc cổ truyền	Dạng sơ chế, chế biến	Tiêu chuẩn chất lượng	ĐVT
20	N034	68	Cortex Cinnamomi	Vỏ thân hoặc cành	Nhóm 2	Quế nhục	Thuốc phiến khô, đoạn ngắn, sạch.	TCCS	Kg
21	N043	97	Rhizoma Smilacis glabrae	Thân rễ	Nhóm 2	Thỏ phục linh	Phiến khô, sạch, dày khoảng 1mm, thịt mềm, màu đỏ nâu.	TCCS	Kg
22	N052	116	Radix Scutellariae	Rễ	Nhóm 2	Hoàng cầm	Thái phiến; Thuốc phiến khô (dài 3 – 5 cm, dày 2 – 3 mm), có màu vàng sáng.	TCCS	Kg
23	N054	118	Rhizoma Coptidis	Thân rễ	Nhóm 2	Hoàng liên	Hoàng liên chích rượu: Phiến khô có màu vàng đậm, vị đắng.	TCCS	Kg
24	N060	133	Cortex Paeoniae suffruticosae radices	Vỏ rễ	Nhóm 2	Mẫu đơn bì	Sao vàng; Vị thuốc Mẫu đơn bì là những đoạn nhỏ hoặc mảnh vỏ rễ có kích thước, dài khoảng 3 - 5 cm, có màu vàng, có mùi thơm đặc trưng của mẫu đơn bì.	TCCS	Kg
25	N061	135	Radix Rehmanniae glutinosae	Rễ củ	Nhóm 2	Sinh địa	Phiến dày 1,5 - 2mm, khô chắc, thịt màu đen, mềm dẻo, vị đắng hơi ngọt. Sinh địa khô chắc, dẻo dai, bên ngoài củ có màu nâu xám, ruột có màu nâu vàng hoặc vàng nâu.	TCCS	Kg
26	N064	49	Ramulus Mori albae	Cành	Nhóm 2	Tang chi	Thuốc phiến khô, sạch lát mỏng.	TCCS	Kg

TT	Mã HH	STT trong TT 05/2015/TT-BYT	Tên khoa học	Bộ phận dùng	Nhóm TCKT	Tên vị thuốc cổ truyền	Dạng sơ chế, chế biến	Tiêu chuẩn chất lượng	ĐVT
27	N065	50	Herba Loranthi gracilifolii	Đoạn thân, cành, lá	Nhóm 2	Tang ký sinh	Cắt ngắn, khô, sạch.	TCCS	Kg
28	N066	54	Rhizoma Homalomenae occultae	Thân rễ	Nhóm 2	Thiên niên kiện	Phiến to dày 3mm, mặt ngoài màu nâu nhạt hay nâu sẫm, có nhiều xơ cứng, màu nâu nhạt hay nâu sẫm, một số sợi màu vàng ngà lờm chớm như bàn chải. Mùi thơm hắc, vị cay.	TCCS	Kg
29	N067	40	Fructus Xanthii strumarii	Quả	Nhóm 2	Thương nhĩ tử (Ké đầu ngựa)	Ké đầu ngựa sao cháy gai: Là những quả hình trứng, hai đầu nhọn, có màu xám đen; phần lớn cháy hết gai, một số quả còn ít gai hoặc gai cháy chưa hết, dài 1,2 cm - 1,5cm, rộng 0,5 cm - 0,7 cm.	TCCS	Kg
30	N068	279	Rhizoma Atractylodis	Thân rễ	Nhóm 2	Thương truật	Thương truật sao qua: Phiến thuốc dày 1 - 3 mm, khô giòn, mùi thơm đặc trưng. Bề mặt phiến có màu trắng đục hay vàng nhạt, rải rác có nhiều chấm màu vàng đậm hay nâu nhạt của túi tiết tinh dầu.	TCCS	Kg

TT	Mã HH	STT trong TT 05/2015/TT-BYT	Tên khoa học	Bộ phận dùng	Nhóm TCKT	Tên vị thuốc cổ truyền	Dạng sơ chế, chế biến	Tiêu chuẩn chất lượng	ĐVT
31	N073	141	Rhizoma Typhonii trilobati	Thân rễ	Nhóm 2	Bán hạ nam (Củ chóc)	Chế gừng; Vị thuốc Bán hạ nam có phiến dày 1-3mm hoặc các mảnh vụn có đường kính không nhỏ hơn 0,2 cm. Thể chất khô giòn, màu vàng, mép phiến có lẫn màu đen cháy hoặc nâu, có mùi thơm của gừng. Vị cay, hơi tê, không ngứa.	TCCS	Kg
32	N078	156	Radix Platycodi grandiflori	Rễ	Nhóm 2	Cát cánh	Chích mật; phiến dày khoảng 2 - 3 mm, màu vàng nhạt, sẫm màu hơn Cát cánh phiến, vị ngọt nhẹ sau hơi đắng và hơi nhót trong miệng, dễ hút ẩm.	TCCS	Kg
33	N079	157	Semen Armeniacae amarum	Hạt	Nhóm 2	Hạnh nhân	Sao vàng; Vị thuốc có vỏ hơi nhăn nheo, màu vàng đậm. Nhấm có vị đắng đặc trưng của Hạnh nhân.	TCCS	Kg
34	N095	184	Poria	Thể quả nấm	Nhóm 2	Phục thần	Gọt vỏ, thái miếng hoặc thái lát phơi hoặc sấy khô.	TCCS	Kg
35	N096	185	Semen Ziziphi mauritanae	Hạt	Nhóm 2	Táo nhân (Toan táo nhân)	Hắc táo nhân: Hạt hình đĩa, một đầu hơi nhọn, một mặt khum hình thấu kính, có mặt ngoài đen, bên trong có màu nâu hơi vàng, mùi thơm, vị đắng nhẹ.	TCCS	Kg

TT	Mã HH	STT trong TT 05/2015/TT-BYT	Tên khoa học	Bộ phận dùng	Nhóm TCKT	Tên vị thuốc cổ truyền	Dạng sơ chế, chế biến	Tiêu chuẩn chất lượng	ĐVT
36	N098	189	Radix Polygalae	Rễ	Nhóm 2	Viễn chí	Viễn chí chích cam thảo: Là những mảnh hoặc đoạn vỏ rỗng có màu vàng đậm, có những nếp nhăn và đường nứt ngang. Vị đắng nhẹ, hơi cay, hơi ngọt	TCCS	Kg
37	N105	200	Radix Saussureae lappae	Rễ	Nhóm 2	Mộc hương	Phiến dày 1,5 - 2mm, hình bầu dục, màu vàng nâu đến nâu nhạt, có vân, mùi thơm hắc đặc trưng.	TCCS	Kg
38	N108	208	Pericarpium Citri reticulatae perenne	Vỏ quả chín	Nhóm 2	Trần bì	Trần bì sao vàng: Là những sợi hoặc mảnh nhỏ màu vàng hoặc vàng nâu, mùi thơm đặc trưng.	TCCS	Kg
39	N110	211	Radix Salviae miltiorrhizae	Rễ	Nhóm 2	Đan sâm	Đan sâm chích rượu; phiến thuốc, khô, sạch, mặt ngoài màu đỏ nâu tối, trong màu trắng ngà, có vân. Chất cứng và giòn. Mùi đặc trưng, vị đắng hơi ngọt.	TCCS	Kg

TT	Mã HH	STT trong TT 05/2015/TT-BYT	Tên khoa học	Bộ phận dùng	Nhóm TCKT	Tên vị thuốc cổ truyền	Dạng sơ chế, chế biến	Tiêu chuẩn chất lượng	ĐVT
40	N111	212	Semen Pruni	Hạt	Nhóm 2	Đào nhân (Đàn đào nhân)	Đào nhân sao vàng giữ vỏ có mặt ngoài nhám, hơi nhăn nheo, có màu hơi vàng, mùi thơm đặc trưng của hạnh nhân, nhám có vị đắng nhẹ, ngậy bùi.	TCCS	Kg
41	N113	296	Radix Angelicae sinensis	Rễ	Nhóm 2	Đương quy (Toàn quy, Quy đầu, Quy vĩ/quy râu)	Đương quy chích rượu: là những phiến mỏng không đều, màu vàng nhạt, mùi thơm đặc trưng, vị đắng ngọt, hơi cay.	TCCS	Kg
42	N114	213	Flos Carthami tinctorii	Hoa	Nhóm 2	Hồng hoa	Cánh hoa toí nhỏ, màu vàng đỏ hay đỏ, mùi thơm nhẹ, vị hơi đắng.	TCCS	Kg
43	N118	217	Caulis Spatholobi	Thân	Nhóm 2	Kê huyết đằng	Phiến dày khoảng 2mm, trong phiến cắt có vành nhựa thâm như máu.	TCCS	Kg
44	N122	221	Radix Achyranthis bidentatae	Rễ	Nhóm 2	Ngưu tất	Ngưu tất chích rượu: Phiến thuốc có màu nâu nhạt, mùi thơm đặc trưng của Ngưu tất và của rượu.	TCCS	Kg

TT	Mã HH	STT trong TT 05/2015/TT-BYT	Tên khoa học	Bộ phận dùng	Nhóm TCKT	Tên vị thuốc cổ truyền	Dạng sơ chế, chế biến	Tiêu chuẩn chất lượng	ĐVT
45	N125	137	Radix Paeoniae	Rễ	Nhóm 2	Xích thược	Phiến mỏng, khô, sạch, dày khoảng 3- 5mm.	TCCS	Kg
46	N126	226	Rhizoma Ligustici wallichii	Thân rễ	Nhóm 2	Xuyên khung	Xuyên khung chích rượu: Phiến thuốc có màu nâu hoặc nâu vàng, thể chất cứng chắc, có mùi thơm đặc trưng, vị cay.	TCCS	Kg
47	N128	230	Flos Styphnolobii japonici	Nụ hoa	Nhóm 2	Hòe hoa	Hòe hoa sao vàng có màu vàng đậm, mùi thơm, bên trong vàng sáng	TCCS	Kg
48	N131	184	Poria	Thẻ quả nấm	Nhóm 2	Bạch linh (phục linh)	Gọt vỏ, thái phiến; Vị thuốc Bạch linh là phiến không đồng nhất, màu trắng đục, hồng nhạt hoặc nâu nhạt. Thể chất chắc hơi xốp.	TCCS	Kg
49	N136	254	Rhizoma Alismatis	Thân rễ	Nhóm 2	Trạch tả	Trạch tả chích muối: Mặt phiến có màu vàng đậm, mùi thơm nhẹ, vị mặn, hơi ngọt.	TCCS	Kg
50	N139	258	Semen Coicis	Hạt	Nhóm 2	Ý dĩ	Ý dĩ sao vàng với cám: Hạt hình trứng ngắn hay hơi tròn, dài 0,5 - 0,8 cm, đường kính 0,2 - 0,5 cm. Mặt ngoài màu vàng nhạt, bên trong màu trắng hay trắng ngà. Mùi thơm.	TCCS	Kg

TT	Mã HH	STT trong TT 05/2015/TT-BYT	Tên khoa học	Bộ phận dùng	Nhóm TCKT	Tên vị thuốc cổ truyền	Dạng sơ chế, chế biến	Tiêu chuẩn chất lượng	ĐVT
51	N150	282	Semen Nelumbinis	Hạt	Nhóm 2	Liên nhục	Liên nhục sao vàng: Hạt hình trái xoan, dài 1,1 - 1,3 cm, đường kính 0,9 - 1,1 cm. Mặt ngoài còn màng mỏng màu nâu thẫm, có chấm đen, mùi thơm, vị hơi chát. Không còn tâm sen.	TCCS	Kg
52	N154	290	Fructus Corni officinalis	Quả	Nhóm 2	Sơn thù (từ sơn thù)	Là những quả đã vỡ, nhăn nheo do tách bỏ hạt, dài 1,0 - 1,7 cm, cùi dày không đến 0,15 cm. Mặt ngoài màu hồng tía hoặc nâu tía, nhăn nheo bóng láng, có miệng rạch bỏ hạt, một đầu có rốn nhỏ hình tròn. Màu sắc mặt trong tương đối nhạt hơn và ẩm, không trơn bóng. Không mùi, vị chua chát và hơi đắng.	TCCS	Kg
53	N158	295	Radix Paeoniae lactiflorae	Rễ	Nhóm 2	Bạch thược	Chích rượu, sao: Là những phiến mỏng, khô, thẳng hay hơi cuộn lại, có màu vàng nhạt, mùi thơm	TCCS	Kg
54	N159	303	Fructus Lycii	Quả chín	Nhóm 2	Câu kỷ tử	Quả nhỏ, sạch, màu đỏ sẫm hoặc đỏ cam, mềm, bóng trong có nhiều hạt.	TCCS	Kg

TT	Mã HH	STT trong TT 05/2015/TT-BYT	Tên khoa học	Bộ phận dùng	Nhóm TCKT	Tên vị thuốc cổ truyền	Dạng sơ chế, chế biến	Tiêu chuẩn chất lượng	ĐVT
55	N161	299	Arillus Longan	Áo hạt của quả	Nhóm 2	Long nhãn	Miếng dày, mềm, dẻo, sờ không dính tay, màu cánh gián hoặc nâu.	TCCS	Kg
56	N167	301	Radix Rehmanniae glutinosae praeparata	Rễ	Nhóm 2	Thục địa	Phiến dày khoảng 5mm, màu đen bóng, thể chất nhuận dẻo, cầm không thấy dính tay, mùi thơm ngọt đặc trưng.	TCCS	Kg
57	N168	312	Radix Morindae officinalis	Rễ	Nhóm 2	Ba kích	Chích rượu; Vị thuốc Ba kích là những mảnh nhỏ, có dạng quần queo, vỏ ngoài vàng nhạt hay hơi xám. Thể chất dai, mặt cắt ngang có màu tím nhạt, mùi thơm, vị hơi chát.	TCCS	Kg
58	N169	328	Rhizoma Atractylodis macrocephalae	Thân rễ	Nhóm 2	Bạch truật	Bạch truật sao cám mật: Vị thuốc Bạch truật là các phiến màu vàng thẫm, cạnh hơi xém, thể chất cứng, Bạch truật sao cám mật có vị đắng, hơi ngọt.	TCCS	Kg
59	N170	329	Radix Glycyrrhizae	Rễ	Nhóm 2	Cam thảo	Chích mật; phiến dày 1 - 2 mm; vị thuốc Cam thảo có màu vàng đậm. Vị ngọt đậm, đặc trưng của Cam thảo.	TCCS	Kg
60	N171	315	Rhizoma Cibotii	Thân rễ	Nhóm 2	Cẩu tích	Cẩu tích sao vàng: phiến dày 3 - 5 mm, phòng đều, giòn.	TCCS	Kg

TT	Mã HH	STT trong TT 05/2015/TT-BYT	Tên khoa học	Bộ phận dùng	Nhóm TCKT	Tên vị thuốc cổ truyền	Dạng sơ chế, chế biến	Tiêu chuẩn chất lượng	ĐVT
61	N172	316	Rhizoma Drynariae	Thân rễ	Nhóm 2	Cốt toái bồ	Sao vàng; Vị thuốc Cốt toái bồ có thể chất giòn, màu nâu đậm hoặc vàng đậm.	TCCS	Kg
62	N173	330	Fructus Ziziphi jujubae	Quả chín	Nhóm 2	Đại táo	Là những quả khô, sạch	TCCS	Kg
63	N175	331	Radix Codonopsis	Rễ	Nhóm 2	Đảng sâm (đảng sâm sao)	Đảng sâm chích gừng: Là những phiến thuốc, khô, sạch, màu trắng ngà, nhuận, mùi thơm, vị hơi ngọt.	TCCS	Kg
64	N176	319	Cortex Eucommiae	Vỏ thân	Nhóm 2	Đỗ trọng	Đỗ trọng phiến: Là những miếng vỏ phẳng hoặc hai bên mép hơi cong vào, to nhỏ không đều, dày 0,2 - 0,5 cm, màu xám tro. Mặt ngoài sần sùi, có nhiều nếp nhăn dọc và vết tích của cành con. Mặt trong vỏ màu sẫm, trơn, chất giòn, dễ bẻ gãy, mặt bẻ có nhiều sợi màu trắng ánh bạc, có tính đàn hồi như cao su.	TCCS	Kg
65	N177	333	Tuber Dioscoreae persimilis	Rễ củ	Nhóm 2	Hoài sơn	Sao vàng; phiến thuốc bên ngoài có màu vàng hay vàng nâu có chấm đen, bẻ ra bên trong có màu trắng, mùi thơm.	TCCS	Kg

TT	Mã HH	STT trong TT 05/2015/TT-BYT	Tên khoa học	Bộ phận dùng	Nhóm TCKT	Tên vị thuốc cổ truyền	Dạng sơ chế, chế biến	Tiêu chuẩn chất lượng	ĐVT
66	N178	334	Radix Astragali membranacei	Rễ	Nhóm 2	Hoàng kỳ	Hoàng kỳ chích mật: Hoàng kỳ bề ngoài có màu vàng nâu, hơi bóng, có mùi thơm và vị ngọt	TCCS	Kg
67	N180	323	Herba Cistanches	Thân thảo, nạc, có chất thịt, có vảy	Nhóm 2	Nhục thung dung	Thái phiến; phiến thuốc hình tròn hoặc tròn vát. Mặt ngoài màu nâu hoặc nâu xám, phủ đầy những phiến vảy, sắp xếp như ngói lợp, chất thịt và hơi dẻo, thể chất nặng, mặt phiến thuốc màu nâu có những đốm nâu nhạt của những bó mạch xếp theo vòng lượn sóng. Mùi nhẹ, vị ngọt hơi đắng.	TCCS	Kg
68	N181	324	Fructus Psoraleae corylifoliae	Quả chín	Nhóm 2	Phá cố chỉ (Bồ cốt chỉ)	Chế muối; Vị thuốc Bồ cốt chỉ có mặt ngoài hạt màu nâu đen, phồng đều, có vết nhăn và rạn nứt rõ. Thể chất hạt cứng, mùi thơm đặc trưng, vị hơi cay, đắng.	TCCS	Kg
69	N182	326	Semen Cuscutae	Hạt	Nhóm 2	Thỏ ty tử	Chích muối: Thỏ ty tử có mặt ngoài màu vàng nâu, có vết nứt, mùi thơm nhẹ	TCCS	Kg

TT	Mã HH	STT trong TT 05/2015/TT-BYT	Tên khoa học	Bộ phận dùng	Nhóm TCKT	Tên vị thuốc cổ truyền	Dạng sơ chế, chế biến	Tiêu chuẩn chất lượng	ĐVT
70	N183	327	Radix Dipsaci	Rễ	Nhóm 2	Tục đoạn	Tục đoạn phiến: Là những đoạn ngắn không quá 2 cm. Mặt cắt thấy rõ hai lớp, chung quanh màu nâu đen, lõi giữa có hoa văn màu vàng. Vị đắng hơi chát.	TCCS	Kg
71	L001	1	Radix Angelicae dahuricae	Rễ	Nhóm 3	Bạch chỉ	Thuốc phiến khô (phiến dày 1 - 2cm). Có vỏ ngoài màu vàng, nâu nhạt, trong ruột trắng ngà, có các vạch dọc theo rễ củ, mùi thơm đặc trưng, vị cay hơi đắng, dễ gãy vụn, chứa nhiều tinh bột.	TCCS	Kg
72	L003	47	Radix Saposlmikoviae divaricatae	Rễ	Nhóm 3	Phòng phong	Phiến dày 1 - 2mm, màu nâu xám, chắc, lõi màu vàng nhạt, mùi thơm, vị đặc trưng, hơi ngọt.	TCCS	Kg
73	L004	6	Ramulus Cinnamomi	Cành	Nhóm 3	Quế chi	Thuốc phiến khô, đoạn ngắn, sạch.	TCCS	Kg
74	L005	9	Radix Asari	Rễ và thân rễ	Nhóm 3	Tế tân	Thuốc phiến, khô, sạch (đoạn dài khoảng 2cm).	TCCS	Kg
75	L006	15	Radix Puerariae thomsonii	Rễ củ	Nhóm 3	Cát căn	Phiến dài khoảng 3 - 5 cm, dày 3 - 4 mm; mặt ngoài có màu trắng hơi vàng, bên trong phiến có màu trắng.	TCCS	Kg

TT	Mã HH	STT trong TT 05/2015/TT-BYT	Tên khoa học	Bộ phận dùng	Nhóm TCKT	Tên vị thuốc cổ truyền	Dạng sơ chế, chế biến	Tiêu chuẩn chất lượng	ĐVT
76	L013	37	Radix Angelicae pubescentis	Rễ	Nhóm 3	Độc hoạt	Thái phiến; dày 1 - 2mm, khô nhuần, màu nâu xám, vị cay, rất đắng.	TCCS	Kg
77	L015	41	Rhizoma et Radix Notopterygii	Thân rễ và rễ	Nhóm 3	Khương hoạt	Thái phiến; dày khoảng 5 mm màu nâu vàng, khô, dễ gãy, mùi thơm hắc, vị đắng và cay.	TCCS	Kg
78	L019	53	Radix Gentianae macrophyllae	Rễ	Nhóm 3	Tần giao	Thuốc phiến khô (thái lát hoặc cắt khúc ngắn, phơi khô).	TCCS	Kg
79	L025	67	Radix Aconiti lateralis praeparata	Rễ củ	Nhóm 3	Phụ tử (ché)	Chế theo quy trình Bộ Y tế; Hắc phụ tử có mặt phiến nhẵn bóng, màu nâu xám. Xung quanh phiến có màu nâu đen của vỏ củ. Vị mặn đặc trưng của muối Magne clorid, vị tê nhẹ hoặc không tê. Bạch phụ tử có mặt phiến màu trắng hoặc trắng ngà. Xung quang phiến có màu nâu đen của vỏ củ. Vị mặn đặc trưng của muối NaCl, vị tê nhẹ hoặc không tê.	TCCS	Kg
80	L026	68	Cortex Cinnamomi	Vỏ thân hoặc cành	Nhóm 3	Quế nhục	Thuốc phiến khô, đoạn ngắn, sạch.	TCCS	Kg

TT	Mã HH	STT trong TT 05/2015/TT-BYT	Tên khoa học	Bộ phận dùng	Nhóm TCKT	Tên vị thuốc cổ truyền	Dạng sơ chế, chế biến	Tiêu chuẩn chất lượng	ĐVT
81	L031	97	Rhizoma Smilacis glabrae	Thân rễ	Nhóm 3	Thỏ phục linh	Phiến khô, sạch, dày khoảng 1mm, thịt mềm, màu đỏ nâu.	TCCS	Kg
82	L037	116	Radix Scutellariae	Rễ	Nhóm 3	Hoàng cầm	Thái phiến; Thuốc phiến khô (dài 3 – 5 cm, dày 2 – 3 mm), có màu vàng sáng.	TCCS	Kg
83	L038	118	Rhizoma Coptidis	Thân rễ	Nhóm 3	Hoàng liên	Hoàng liên chích rượu: Phiến khô có màu vàng đậm, vị đắng.	TCCS	Kg
84	L043	133	Cortex Paeoniae suffruticosae radiceis	Vỏ rễ	Nhóm 3	Mẫu đơn bì	Sao vàng; Vị thuốc Mẫu đơn bì là những đoạn nhỏ hoặc mảnh vỏ rễ có kích thước, dài khoảng 3 - 5 cm, có màu vàng, có mùi thơm đặc trưng của mẫu đơn bì.	TCCS	Kg
85	L044	135	Radix Rehmanniae glutinosae	Rễ củ	Nhóm 3	Sinh địa	Phiến dày 1,5 - 2mm, khô chắc, thịt màu đen, mềm dẻo, vị đắng hơi ngọt. Sinh địa khô chắc, dẻo dai, bên ngoài củ có màu nâu xám, ruột có màu nâu vàng hoặc vàng nâu.	TCCS	Kg
86	L046	49	Ramulus Mori albae	Cành	Nhóm 3	Tang chi	Thuốc phiến khô, sạch lát mỏng.	TCCS	Kg
87	L047	50	Herba Loranthe gracilifolii	Đoạn thân, cành, lá	Nhóm 3	Tang ký sinh	Cắt ngắn, khô, sạch.	TCCS	Kg

TT	Mã HH	STT trong TT 05/2015/TT-BYT	Tên khoa học	Bộ phận dùng	Nhóm TCKT	Tên vị thuốc cổ truyền	Dạng sơ chế, chế biến	Tiêu chuẩn chất lượng	ĐVT
88	L048	54	Rhizoma Homalomenae occultae	Thân rễ	Nhóm 3	Thiên niên kiện	Phiến to dày 3mm, mặt ngoài màu nâu nhạt hay nâu sẫm, có nhiều xơ cứng, màu nâu nhạt hay nâu sẫm, một số sợi màu vàng ngà lờm chớm như bàn chải. Mùi thơm hắc, vị cay.	TCCS	Kg
89	L049	40	Fructus Xanthii strumarii	Quả	Nhóm 3	Thương nhĩ tử (Ké đầu ngựa)	Ké đầu ngựa sao cháy gai: Là những quả hình trứng, hai đầu nhọn, có màu xám đen; phần lớn cháy hết gai, một số quả còn ít gai hoặc gai cháy chưa hết, dài 1,2 cm - 1,5cm, rộng 0,5 cm - 0,7 cm.	TCCS	Kg
90	L050	279	Rhizoma Atractylodis	Thân rễ	Nhóm 3	Thương truật	Thương truật sao qua: Phiến thuốc dày 1 - 3 mm, khô giòn, mùi thơm đặc trưng. Bề mặt phiến có màu trắng đục hay vàng nhạt, rải rác có nhiều chấm màu vàng đậm hay nâu nhạt của túi tiết tinh dầu.	TCCS	Kg

TT	Mã HH	STT trong TT 05/2015/TT-BYT	Tên khoa học	Bộ phận dùng	Nhóm TCKT	Tên vị thuốc cổ truyền	Dạng sơ chế, chế biến	Tiêu chuẩn chất lượng	ĐVT
91	L053	141	Rhizoma Typhonii trilobati	Thân rễ	Nhóm 3	Bán hạ nam (Củ chóc)	Chế gừng; Vị thuốc Bán hạ nam có phiến dày 1-3mm hoặc các mảnh vụn có đường kính không nhỏ hơn 0,2 cm. Thễ chất khô giòn, màu vàng, mép phiến có lẫn màu đen cháy hoặc nâu, có mùi thơm của gừng. Vị cay, hơi tê, không ngứa.	TCCS	Kg
92	L056	156	Radix Platycodi grandiflori	Rễ	Nhóm 3	Cát cánh	Chích mật; phiến dày khoảng 2 - 3 mm, màu vàng nhạt, sẫm màu hơn Cát cánh phiến, vị ngọt nhẹ sau hơi đắng và hơi nhót trong miệng, dễ hút ẩm.	TCCS	Kg
93	L065	182	Embryo Nelumbinis nuciferae	Cây mầm từ hạt cây sen	Nhóm 3	Liên tâm	Sao qua; Vị thuốc Tâm sen dài khoảng 1 cm, phần trên là chồi mầm màu lục sẫm có đốm vàng hoặc hơi xém, phần dưới là rễ và thân mầm hình trụ màu vàng nhạt, mùi thơm đặc trưng.	TCCS	Kg
94	L066	184	Poria	Thễ quả nấm	Nhóm 3	Phục thần	Gọt vỏ, thái miếng hoặc thái lát phơi hoặc sấy khô.	TCCS	Kg

TT	Mã HH	STT trong TT 05/2015/TT-BYT	Tên khoa học	Bộ phận dùng	Nhóm TCKT	Tên vị thuốc cổ truyền	Dạng sơ chế, chế biến	Tiêu chuẩn chất lượng	ĐVT
95	L067	185	Semen Ziziphi mauritiana	Hạt	Nhóm 3	Táo nhân (Toan táo nhân)	Hắc táo nhân: Hạt hình đĩa, một đầu hơi nhọt, một mặt khum hình thấu kính, có mặt ngoài đen, bên trong có màu nâu hơi vàng, mùi thơm, vị đắng nhẹ.	TCCS	Kg
96	L069	189	Radix Polygalae	Rễ	Nhóm 3	Viễn chí	Viễn chí chích cam thảo: Là những mảnh hoặc đoạn vỏ rồng có màu vàng đậm, có những nếp nhăn và đường nứt ngang. Vị đắng nhẹ, hơi cay, hơi ngọt	TCCS	Kg
97	L074	200	Radix Saussureae lappae	Rễ	Nhóm 3	Mộc hương	Phiến dày 1,5 - 2mm, hình bầu dục, màu vàng nâu đến nâu nhạt, có vân, mùi thơm hắc đặc trưng.	TCCS	Kg
98	L077	208	Pericarpium Citri reticulatae perenne	Vỏ quả chín	Nhóm 3	Trần bì	Trần bì sao vàng: Là những sợi hoặc mảnh nhỏ màu vàng hoặc vàng nâu, mùi thơm đặc trưng.	TCCS	Kg
99	L079	211	Radix Salviae miltiorrhizae	Rễ	Nhóm 3	Đan sâm	Đan sâm chích rượu; phiến thuốc, khô, sạch, mặt ngoài màu đỏ nâu tối, trong màu trắng ngà, có vân. Chất cứng và giòn. Mùi đặc trưng, vị đắng hơi ngọt.	TCCS	Kg

TT	Mã HH	STT trong TT 05/2015/TT-BYT	Tên khoa học	Bộ phận dùng	Nhóm TCKT	Tên vị thuốc cổ truyền	Dạng sơ chế, chế biến	Tiêu chuẩn chất lượng	ĐVT
100	L080	212	Semen Pruni	Hạt	Nhóm 3	Đào nhân (Đàn đào nhân)	Đào nhân sao vàng giữ vỏ có mặt ngoài nhám, hơi nhăn nheo, có màu hơi vàng, mùi thơm đặc trưng của hạnh nhân, nhấm có vị đắng nhẹ, ngậy bùi;	TCCS	Kg
101	L081	296	Radix Angelicae sinensis	Rễ	Nhóm 3	Đương quy (Toàn quy, Quy đầu, Quy vĩ/quy râu)	Đương quy chích rượu: là những phiến mỏng không đều, màu vàng nhạt, mùi thơm đặc trưng, vị đắng ngọt, hơi cay.	TCCS	Kg
102	L082	213	Flos Carthami tinctorii	Hoa	Nhóm 3	Hồng hoa	Cánh hoa to nhỏ, màu vàng đỏ hay đỏ, mùi thơm nhẹ, vị hơi đắng.	TCCS	Kg
103	L085	217	Caulis Spatholobi	Thân	Nhóm 3	Kê huyết đằng	Phiến dày khoảng 2mm, trong phiến cắt có vành nhựa thâm như máu.	TCCS	Kg
104	L087	221	Radix Achyranthis bidentatae	Rễ	Nhóm 3	Ngưu tất	Ngưu tất chích rượu: Phiến thuốc có màu nâu nhạt, mùi thơm đặc trưng của Ngưu tất và của rượu.	TCCS	Kg
105	L090	137	Radix Paeoniae	Rễ	Nhóm 3	Xích thược	Phiến mỏng, khô, sạch, dày khoảng 3 - 5mm.	TCCS	Kg

TT	Mã HH	STT trong TT 05/2015/TT-BYT	Tên khoa học	Bộ phận dùng	Nhóm TCKT	Tên vị thuốc cổ truyền	Dạng sơ chế, chế biến	Tiêu chuẩn chất lượng	ĐVT
106	L091	226	Rhizoma Ligustici wallichii	Thân rễ	Nhóm 3	Xuyên khung	Xuyên khung chích rượu: Phiến thuốc có màu nâu hoặc nâu vàng, thể chất cứng chắc, có mùi thơm đặc trưng, vị cay.	TCCS	Kg
107	L093	230	Flos Styphnolobii japonici	Nụ hoa	Nhóm 3	Hòe hoa	Hòe hoa sao vàng có màu vàng đậm, mùi thơm, bên trong vàng sáng	TCCS	Kg
108	L096	184	Poria	Thể quả nấm	Nhóm 3	Bạch linh (phục linh)	Gọt vỏ, thái phiến; Vị thuốc Bạch linh là phiến không đồng nhất, màu trắng đục, hồng nhạt hoặc nâu nhạt. Thể chất chắc hơi xốp.	TCCS	Kg
109	L100	254	Rhizoma Alismatis	Thân rễ	Nhóm 3	Trạch tả	Trạch tả chích muối: Mặt phiến có màu vàng đậm, mùi thơm nhẹ, vị mặn, hơi ngọt.	TCCS	Kg
110	L103	258	Semen Coicis	Hạt	Nhóm 3	Ý dĩ	Ý dĩ sao vàng với cám: Hạt hình trứng ngắn hay hơi tròn, dài 0,5 - 0,8 cm, đường kính 0,2 - 0,5 cm. Mặt ngoài màu vàng nhạt, bên trong màu trắng hay trắng ngà. Mùi thơm.	TCCS	Kg

TT	Mã HH	STT trong TT 05/2015/TT-BYT	Tên khoa học	Bộ phận dùng	Nhóm TCKT	Tên vị thuốc cổ truyền	Dạng sơ chế, chế biến	Tiêu chuẩn chất lượng	ĐVT
111	L115	290	Fructus Corni officinalis	Quả	Nhóm 3	Sơn thù (tửu sơn thù)	Là những quả đã vỡ, nhăn nheo do tách bỏ hạt, dài 1,0 - 1,7 cm, cùi dày không đến 0,15 cm. Mặt ngoài màu hồng tía hoặc nâu tía, nhăn nheo bóng láng, có miệng rạch bỏ hạt, một đầu có rốn nhỏ hình tròn. Màu sắc mặt trong tương đối nhạt hơn và ẩm, không trơn bóng. Không mùi, vị chua chát và hơi đắng.	TCCS	Kg
112	L117	295	Radix Paeoniae lactiflorae	Rễ	Nhóm 3	Bạch thược	Chích rượu, sao: Là những phiến mỏng, khô, thẳng hay hơi cuộn lại, có màu vàng nhạt, mùi thơm	TCCS	Kg
113	L118	303	Fructus Lycii	Quả chín	Nhóm 3	Câu kỷ tử	Quả nhỏ, sạch, màu đỏ sẫm hoặc đỏ cam, mềm, bóng trong có nhiều hạt.	TCCS	Kg
114	L120	299	Arillus Longan	Áo hạt của quả	Nhóm 3	Long nhãn	Miếng dày, mềm, dẻo, sờ không dính tay, màu cánh gián hoặc nâu.	TCCS	Kg

TT	Mã HH	STT trong TT 05/2015/TT-BYT	Tên khoa học	Bộ phận dùng	Nhóm TCKT	Tên vị thuốc cổ truyền	Dạng sơ chế, chế biến	Tiêu chuẩn chất lượng	ĐVT
115	L126	301	Radix Rehmanniae glutinosae praeparata	Rễ	Nhóm 3	Thục địa	Phiến dày khoảng 5mm, màu đen bóng, thể chất nhuận dẻo, cầm không thấy dính tay, mùi thơm ngọt đặc trưng.	TCCS	Kg
116	L127	312	Radix Morindae officinalis	Rễ	Nhóm 3	Ba kích	Chích rượu; Vị thuốc Ba kích là những mảnh nhỏ, có dạng quần queo, vỏ ngoài vàng nhạt hay hơi xám. Thể chất dai, mặt cắt ngang có màu tím nhạt, mùi thơm, vị hơi chát.	TCCS	Kg
117	L128	328	Rhizoma Atractylodis macrocephalae	Thân rễ	Nhóm 3	Bạch truật	Bạch truật sao cám mật: Vị thuốc Bạch truật là các phiến màu vàng thẫm, cạnh hơi xém, thể chất cứng, Bạch truật sao cám mật có vị đắng, hơi ngọt.	TCCS	Kg
118	L129	329	Radix Glycyrrhizae	Rễ	Nhóm 3	Cam thảo	Chích mật; phiến dày 1 - 2 mm; vị thuốc Cam thảo có màu vàng đậm. Vị ngọt đậm, đặc trưng của Cam thảo.	TCCS	Kg
119	L130	315	Rhizoma Cibotii	Thân rễ	Nhóm 3	Cầu tích	Cầu tích sao vàng: phiến dày 3 - 5 mm, phẳng đều, giòn.	TCCS	Kg

TT	Mã HH	STT trong TT 05/2015/TT-BYT	Tên khoa học	Bộ phận dùng	Nhóm TCKT	Tên vị thuốc cổ truyền	Dạng sơ chế, chế biến	Tiêu chuẩn chất lượng	ĐVT
120	L131	316	Rhizoma Drynariae	Thân rễ	Nhóm 3	Cốt toái bồ	Sao vàng; Vị thuốc Cốt toái bồ có thể chất giòn, màu nâu đậm hoặc vàng đậm.	TCCS	Kg
121	L132	330	Fructus Ziziphi jujubae	Quả chín	Nhóm 3	Đại táo	Là những quả khô, sạch	TCCS	Kg
122	L133	331	Radix Codonopsis	Rễ	Nhóm 3	Đảng sâm (đảng sâm sao)	Đảng sâm chích gừng: Là những phiến thuốc, khô, sạch, màu trắng ngà, nhuận, mùi thơm, vị hơi ngọt.	TCCS	Kg
123	L134	319	Cortex Eucommiae	Vỏ thân	Nhóm 3	Đỗ trọng	Đỗ trọng phiến: Là những miếng vỏ phẳng hoặc hai bên mép hơi cong vào, to nhỏ không đều, dày 0,2 - 0,5 cm, màu xám tro. Mặt ngoài sần sùi, có nhiều nếp nhăn dọc và vết tích của cành con. Mặt trong vỏ màu sẫm, trơn, chất giòn, dễ bẻ gãy, mặt bẻ có nhiều sợi màu trắng ánh bạc, có tính đàn hồi như cao su.	TCCS	Kg
124	L135	333	Tuber Dioscoreae persimilis	Rễ củ	Nhóm 3	Hoài sơn	Sao vàng; phiến thuốc bên ngoài có màu vàng hay vàng nâu có chấm đen, bẻ ra bên trong có màu trắng, mùi thơm.	TCCS	Kg

TT	Mã HH	STT trong TT 05/2015/TT-BYT	Tên khoa học	Bộ phận dùng	Nhóm TCKT	Tên vị thuốc cổ truyền	Dạng sơ chế, chế biến	Tiêu chuẩn chất lượng	ĐVT
125	L136	334	Radix Astragali membranacei	Rễ	Nhóm 3	Hoàng kỳ	Hoàng kỳ chích mật: Hoàng kỳ bề ngoài có màu vàng nâu, hơi bóng, có mùi thơm và vị ngọt	TCCS	Kg
126	L138	323	Herba Cistanches	Thân thảo, nạc, có chất thịt, có vảy	Nhóm 3	Nhục thung dung	Thái phiến; phiến thuốc hình tròn hoặc tròn vát. Mặt ngoài màu nâu hoặc nâu xám, phủ đầy những phiến vảy, sắp xếp như ngôi lợp, chất thịt và hơi dẻo, thể chất nặng, mặt phiến thuốc màu nâu có những đốm nâu nhạt của những bó mạch xếp theo vòng lượn sóng. Mùi nhẹ, vị ngọt hơi đắng.	TCCS	Kg
127	L139	324	Fructus Psoraleae corylifoliae	Quả chín	Nhóm 3	Phá cố chi (Bồ cốt chi)	Chế muối; Vị thuốc Bồ cốt chi có mặt ngoài hạt màu nâu đen, phồng đều, có vết nhăn và rạn nứt rõ. Thể chất hạt cứng, mùi thơm đặc trưng, vị hơi cay, đắng.	TCCS	Kg

TT	Mã HH	STT trong TT 05/2015/TT-BYT	Tên khoa học	Bộ phận dùng	Nhóm TCKT	Tên vị thuốc cổ truyền	Dạng sơ chế, chế biến	Tiêu chuẩn chất lượng	ĐVT
128	L140	327	Radix Dipsaci	Rễ	Nhóm 3	Tục đoạn	Tục đoạn phiến: Là những đoạn ngắn không quá 2 cm. Mặt cắt thấy rõ hai lớp, chung quanh màu nâu đen, lõi giữa có hoa văn màu vàng. Vị đắng hơi chát.	TCCS	Kg
129	M010	208	Pericarpium Citri reticulatae perenne	Vỏ quả chín	Nhóm 1	Trần bì	Trần bì sao vàng: Là những sợi hoặc mảnh nhỏ màu vàng hoặc vàng nâu, mùi thơm đặc trưng	TCCS	Kg
130	M011	221	Radix Achyranthis bidentatae	Rễ	Nhóm 1	Ngưu tất	Ngưu tất chích rượu: Phiến thuốc có màu nâu nhạt, mùi thơm đặc trưng của Ngưu tất và của rượu	TCCS	Kg
131	M012	297	Radix Angelicae acutilobae	Rễ	Nhóm 1	Đương quy (dĩ thực)	Chích rượu: là những phiến mỏng không đều, màu vàng nhạt, mùi thơm đặc trưng, vị đắng ngọt, hơi cay	TCCS	Kg
132	L144	157	Semen Armeniacae amarum	Hạt	Nhóm 3	Hạnh nhân	Hạt quả mơ phơi khô	TCCS	Kg
133	L149	328	Rhizoma Atractylodis macrocephalae	Thân rễ	Nhóm 3	Bạch truật	Bạch truật rửa sạch, ủ cho mềm, rút bỏ lõi, thái mỏng; phơi hay sấy khô	TCCS	Kg

Pha



Phụ lục 3. Mẫu giá các mặt hàng thuốc

(Ban hành kèm theo thông báo số 1114/TB-TTYT ngày 05 tháng 10 năm 2023)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢNG BÁO GIÁ

Kính gửi : Trung tâm Y tế huyện Anh Sơn

Tên công ty :

Địa chỉ:

Số điện thoại :

Giấy phép hoạt động số :

Mã số thuế:

Căn cứ thông báo số 1114/TB-TTYT ngày 05/10/2023 của Trung tâm Y tế huyện Anh Sơn V/v thông báo mời chào giá một số mặt hàng thuốc – vị thuốc YHCT phục vụ công tác mua sắm. Chúng tôi xin gửi tới Trung tâm bản báo giá chi tiết các mặt hàng như sau:

STT	Mã HH (tại PL1 TB 1114/TB- TTYT)	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT theo TT06	Nồng độ - hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Cơ sở sản xuất- Nước sản xuất	SĐK hoặc GPLH	Đơn vị tính	Giá kê khai	Đơn giá bán (có thuế VAT)

Báo giá này có hiệu lực từ ngày ký cho đến khi có báo giá mới./.

....., ngày tháng năm 2023

GIÁM ĐỐC

(Ký, ghi đầy đủ họ tên, đóng dấu)

Thư



Phụ lục 4. Mẫu giá các mặt hàng vi thuốc YHCT
(Ban hành kèm theo thông báo số 1114/TB-TTYT ngày 05 tháng 10 năm 2023)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢNG BÁO GIÁ

Kính gửi : Trung tâm Y tế huyện Anh Sơn

Tên công ty :

Địa chỉ:

Số điện thoại :

Giấy phép hoạt động số :

Mã số thuế:

Căn cứ thông báo số 1114/TB-TTYT ngày 05/10/2023 của Trung tâm Y tế huyện Anh Sơn V/v thông báo mời chào giá một số mặt hàng thuốc – vi thuốc YHCT phục vụ công tác mua sắm. Chúng tôi xin gửi tới Trung tâm bản báo giá chi tiết các mặt hàng như sau:

STT	Mã hàng hóa (tại PL2 Thông báo số 1114/TB-TTYT)	Tên vi thuốc cổ truyền	Bộ phận dùng	Nguồn gốc	Tên khoa học	Nhóm thuốc theo TT 06	Tiêu chuẩn chất lượng	Phương pháp chế biến	Số đăng ký	Quy cách đóng gói (nếu có)	Đơn vị tính	Đơn giá bán (đã bao gồm VAT)

Báo giá này có hiệu lực từ ngày ký cho đến khi có báo giá mới./.

....., ngày tháng năm 2023

GIÁM ĐỐC

(Ký, ghi đầy đủ họ tên, đóng dấu)